

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUYỄN THẮNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUYỄN THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN THANG DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107974816

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 59, đường 70, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963 702 939

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7110(Chính) |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) loại mới và loại đã qua sử dụng:<br>Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng:<br><br>- Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;<br>- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;<br>- Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;<br>- Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa. | 4511        |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4512        |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4513        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô;                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 10. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>Khách sạn<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự                                                                                               | 5510 |
| 11. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 12. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                             | 7912 |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                      | 7920 |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;                                                                                                                | 4649 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                             | 4321 |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 4210 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                      | 4220 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;                                                                                                                                                                          | 4290 |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);                                                                                                                     | 2511 |
| 21. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                    | 2710 |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                    | 7911 |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                              | 4641 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);                                                                        | 4659 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4759 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                   | 4322 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |

